

Số: 134/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc phê duyệt, thông qua Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước
năm 2023, tỉnh Điện Biên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tại Tờ trình số 3933/TTr-
UBND, ngày 02 tháng 12 năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 122/BC-BKTNS, ngày
06 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt và thông qua Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023, tỉnh Điện Biên với tổng số vốn 4.624.531 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Giao kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2023: tổng nguồn vốn đầu tư ngân sách địa phương năm 2023 là 1.299.619 triệu đồng, trong đó:

a) Nguồn thu từ các dự án đấu giá quyền sử dụng đất do cấp tỉnh thực hiện: 500.000 triệu đồng.

Phân bổ cho 06 dự án, trong đó ưu tiên bố trí để thu hồi 100% vốn đã ứng là 448.612 triệu đồng (*bố trí theo số thu thực tế khi có nguồn thu từ các dự án đấu giá đất do cấp tỉnh thực hiện trong năm*).

b) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương 799.619 triệu đồng, bao gồm: vốn xây dựng cơ bản trong cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí

định mức 696.319 triệu đồng; vốn xỏ số kiến thiết 35.000 triệu đồng; vốn đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương 68.300 triệu đồng. Phân bổ cụ thể như sau:

- Trích dự phòng 10%: 69.632 triệu đồng, bố trí cho 01 dự án cần thiết phục vụ di chuyển trung tâm chính trị hành chính của tỉnh (trong đó: 2.000 triệu đồng thu hồi vốn ứng trước).

- Phân bổ cho ngân sách cấp huyện quản lý, sử dụng (phần 30% phân cấp cho 10 huyện, thị xã, thành phố): 188.006 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý: 541.981 triệu đồng (bao gồm, phần 70% cấp tỉnh quản lý: 438.681 triệu đồng; Vốn đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương: 68.300 triệu đồng; vốn xỏ số kiến thiết: 35.000 triệu đồng), phân bổ cụ thể như sau:

- + Bố trí đủ thu hồi vốn đã tạm ứng ngân sách địa phương là 37.677 triệu đồng của 01 dự án.

- + Bố trí đủ vốn 44.705 triệu đồng cho 03 dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2022.

- + Bố trí đủ vốn 122.674 triệu đồng cho 35 dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023 theo thời gian bố trí vốn.

- + Bố trí trả phí vay, lãi vay, vay để trả nợ gốc (vay lại), vay để bù đắp bội chi: 81.500 triệu đồng (trong đó: bội chi ngân sách địa phương 68.300 triệu đồng). Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA: 37.000 triệu đồng cho 02 dự án.

- + Bố trí 114.100 triệu đồng cho 13 dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (hoàn thành sau năm 2023).

- + Bố trí 69.325 triệu đồng cho 18 dự án khởi công mới.

- + Vốn xỏ số kiến thiết 35.000 triệu đồng:

- ++ Lĩnh vực Giáo dục đào tạo - nghề nghiệp 11.552 triệu đồng: bố trí cho 02 dự án hoàn thành năm 2023 (5.152 triệu đồng); 01 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 (3.000 triệu đồng); 02 dự án khởi công mới (3.400 triệu đồng).

- ++ Lĩnh vực Y tế 19.948 triệu đồng: bố trí cho 02 dự án hoàn thành năm 2023 (3.500 triệu đồng); 03 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023 (10.248 triệu đồng) và 04 dự án khởi công mới (6.200 triệu đồng).

- ++ Các nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 3.500 triệu đồng (10% vốn xỏ số kiến thiết).

(Chi tiết tại Phụ lục I và II kèm theo Nghị quyết này).

2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2023: tổng nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2023 là 2.148.294 triệu đồng, trong đó:

- a) Vốn ngân sách trung ương trong nước: 1.843.900 triệu đồng (bao gồm cả vốn Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội).

b) Vốn nước ngoài: 304.394 triệu đồng.

3. Thông qua Kế hoạch đầu tư công vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023: tổng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 là 1.176.618 triệu đồng, trong đó:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 632.564 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 435.974 triệu đồng.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 108.080 triệu đồng,

(Chi tiết tại Phụ lục III, IV, V kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV, kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Phương

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NSNN NĂM 2023 TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
1	2	11	12	13
	TỔNG SỐ	19.057.312	4.624.531	
1	Vốn NSNN	19.057.312	4.624.531	
	<i>Trong đó:</i>			
a)	Vốn ngân sách địa phương	7.123.595	1.299.619	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xô số và bồi chi)	3.734.700	696.319	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3.219.795	500.000	
-	Xô số kiến thiết	168.000	35.000	
-	Bồi chi ngân sách địa phương	1.100	68.300	
	<i>Trong đó: Vốn trái phiếu chính quyền địa phương</i>			
b)	Vốn ngân sách trung ương	7.594.880	2.148.294	
-	Vốn trong nước	6.789.720	1.843.900	
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>		186.000	
	<i>Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án trọng điểm khác</i>		801.246	
-	Vốn nước ngoài	805.160	304.394	
c)	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia	4.338.837	1.176.618	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.530.902	632.564	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.434.515	435.974	
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	373.420	108.080	
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật			

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022			Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		7.250.670	3.458.350	4.208.819			1.061.411			1.299.619	488.289		
A	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất		2.132.500	1.189.545	1.189.545			210.691			500.000	448.612		Bổ trí cho các dự án khi có nguồn thu thực tế
1	Đường vành đai II (Nối tiếp từ khu TĐC Noong Bua đến khu TĐC Pú Tùu)	1333/QĐ-UBND 04/12/2015; 2051/QĐ-UBND 12/11/2021	550.000	30.883	30.883						20.000	20.000		Trả ứng Quỹ phát triển đất
2	Giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư theo quy hoạch chi tiết Cảng hàng không Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (để thực hiện dự án Nâng cấp, cải tạo Cảng hàng không Điện Biên)	799/QĐ-UBND 14/8/2020	1.100.000	855.000	855.000			139.000			366.000	366.000		Ứng trước NSDP: 446.000trđ. Dự kiến hoàn ứng từ tiền ĐGD năm 2022: 80.000trđ. Còn lại phải hoàn ứng 366.000trđ
3	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60m	106/QĐ-UBND 13/02/2017; 3407/QĐ-UBND 31/12/2021	310.000	188.162	188.162			71.691			56.388	15.000		Trả ứng Quỹ phát triển đất
4	Xây dựng thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2	3180/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	89.000	89.000						47.612	47.612		Ứng năm 2022: 104.412trđ. Bổ trí hoàn ứng bằng NSDP cấp tỉnh 56.800trđ. Còn lại hoàn ứng bằng tiền ĐGD 47.612trđ
5	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2774/QĐ-CAT- PH10 ngày 02/12/2022	13.000	13.000	13.000						5.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
6	Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Nậm Pồ, Mường Chà, tỉnh Điện Biên	2773/QĐ-CAT-PH10 ngày 02/12/2022	13.500	13.500	13.500						5.000			
B	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không hao gồm đất, xổ số kiến thiết)		4.888.460	2.064.916	2.907.074			822.530			764.619	39.677		
I	Dự phòng (10%)		210.000	210.000	210.000						69.632	2.000		
1	Dự án: Xây dựng khu, điểm tái định cư Khu trung tâm chính trị, hành chính tỉnh Điện Biên	1054/QĐ-UBND 17/6/2022	210.000	210.000	210.000						69.632	2.000		
II	Bổ sung từ NSDP cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện quản lý				1.008.369			357.766			188.006			
1	Thành phố Điện Biên Phủ				106.921			37.935			19.935			
2	Huyện Điện Biên				130.113			46.164			24.259			
3	Huyện Tuần Giáo				125.336			44.469			23.368			
4	Huyện Điện Biên Đông				109.687			38.916			20.451			
5	Huyện Mường Ảng				82.506			29.273			15.383			
6	Huyện Mường Nhé				107.140			38.013			19.976			
7	Huyện Mường Chà				103.085			36.574			19.220			
8	Huyện Tủa Chùa				93.875			33.307			17.503			
9	Huyện Nậm Pồ				115.441			40.958			21.523			
10	Thị xã Mường Lay				34.265			12.157			6.389			
III	NSDP cấp tỉnh quản lý		4.678.460	1.854.916	1.688.705			464.764			506.981	37.677		
III.1	Vay mới, trả phí vay, lãi vay				95.200			70.932			81.500			
1	Trả lãi vay										3.600			
2	Vay để trả nợ gốc (vay lại)										9.600			
3	Vay để bù đắp bội chi (bội chi NSDP)										68.300			
III.2	Đối ứng các dự án ODA		1.359.665	195.433	167.623			29.673			37.000			
1	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên	802/QĐ-UBND 22/10/2014; 660/QĐ-UBND 08/8/2018; 1740/QĐ-TTg 13/12/2019	1.199.000	180.000	152.190			24.000			33.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB trên địa bàn tỉnh Điện Biên	6689/QĐ-BYT 02/11/2018 3826/QĐ-BYT 28/6/2019	160.665	15.433	15.433			5.673			4.000			
III.3	Các dự án trọng điểm		1.300.000	320.000	320.000			24.000			20.000			
(I)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		1.300.000	320.000	320.000			24.000			20.000			
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	984/QĐ-UBND 31/5/2021	1.300.000	320.000	320.000			24.000			20.000			
III.4	Phân theo ngành/lĩnh vực		2.018.795	1.339.483	1.105.882			340.159			368.481	37.677		
1	Ngành/lĩnh vực: Quốc phòng		218.600	129.600	129.400			50.323			57.327	37.677		
(I)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		31.600	31.600	31.400			22.800			7.650			
1	Kè chống sạt doanh trại dBB I/Bộ CHQS tỉnh Điện Biên	1117/QĐ-UBND 29/10/2020	14.600	14.600	14.400			13.000			1.100			
2	Sửa chữa nhà khách; nhà ở, làm việc Chỉ huy; nhà ăn, nhà bếp cơ quan Bộ CHQS tỉnh	3039/QĐ-UBND 23/11/2021	5.000	5.000	5.000			4.400			550			
3	Trận địa phòng không và các hạng mục hỗ trợ trong khu căn cứ chiến đấu tỉnh Điện Biên	642/QĐ-UBND 23/11/2021	8.000	8.000	8.000			4.400			3.200			
4	Kho tàng chứng, vật chứng, hạ tầng phụ trợ Bộ CHQS tỉnh	2062/QĐ-UBND 15/11/2021	4.000	4.000	4.000			1.000			2.800			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		181.000	92.000	92.000			27.323			47.677	37.677		
1	Dự án rà phá bom mìn vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Điện Biên	2045/QĐ-UBND 11/11/2021	35.000	35.000	35.000			8.000			10.000			
2	Xây dựng thao trường khu vực hướng Tây Quân khu 2	3180/QĐ-UBND 06/12/2021	146.000	57.000	57.000			19.323			37.677	37.677		
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		6.000	6.000	6.000			200			2.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD C B (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XD C B (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD C B (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Nhà ăn nhà bếp, hạ tầng cấp, thoát nước mạng ngoài cơ quan Bộ CHQS tỉnh	2063/QĐ-UBND 15/11/2021	6.000	6.000	6.000			200			2.000			
2	Ngành/lĩnh vực: An ninh, trật tự, an toàn xã hội		25.000	25.000	25.000			4.400			15.400			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		7.000	7.000	7.000			4.400			2.400			
1	Nhà làm việc cầu lưu phòng quản lý xuất nhập cảnh	2061/QĐ-UBND 16/11/2021	7.000	7.000	7.000			4.400			2.400			
'(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023		18.000	18.000	18.000						13.000			
1	Dự án: Các hạng mục phụ trợ cơ sở làm việc Công an các xã biên giới thuộc Công an huyện Điện Biên, Mường Nhé, tỉnh Điện Biên	2772/QĐ-CAT- PH10 ngày 02/12/2022	14.000	14.000	14.000						10.000			
2	Dự án: Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	2771/QĐ-CAT- PH10 ngày 02/12/2022	4.000	4.000	4.000						3.000			
3	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		408.900	332.392	240.703			80.900			71.700			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		277.100	202.992	111.803			65.000			41.800			
1	Trường THPT Lương Thế Vinh	835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ- UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	13.200			6.000			6.500			
2	Trường phổ thông DTNT THPT huyện Nậm Pồ	1032/QĐ-UBND 24/10/2019	46.000	23.000	16.000			6.000			8.000			
3	Trường tiểu học số 1 Nà Nhạn, TP ĐBP	633/QĐ-UBND 29/04/2021	14.800	13.512	13.312			6.000			7.000			
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 1 xã Pá Khoang, TP ĐBP	576/QĐ-UBND 19/4/2021	13.000	11.500	11.300			7.000			4.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
5	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Nô, TP ĐBP	597/QĐ-UBND 26/4/2021	12.500	11.000	10.800			6.000			4.500			
6	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học trường mầm non Thanh Bình, TP ĐBP	616/QĐ-UBND 27/4/2021	14.000	12.500	12.300			8.000			4.000			
7	Nâng cấp trường PIDTBT THCS Leng Su Sín xã Leng Su Sín	1515/QĐ-UBND 31/12/2020; 434/QĐ-UBND 31/3/2021	17.990	11.990	11.790			10.000			1.500			
8	Trường tiểu học trung tâm huyện Nậm Pồ	1156/QĐ-UBND 28/6/2021	19.000	12.000	11.800			8.000			3.300			
9	Trường Trung học cơ sở huyện Nậm Pồ	1117/QĐ-UBND 24/6/2021	18.000	11.501	11.301			8.000			3.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		42.400	42.400	42.100			15.500			17.900			
1	Nhà bếp, ăn và các hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên	1489/QĐ-UBND 30/12/2020	7.900	7.900	7.700			4.000			3.000			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nà Tấu, TP ĐBP	1509/QĐ-UBND 20/8/2021	10.200	10.200	10.100			4.000			5.500			
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTINT THPT huyện Tủa Chùa	3017/QĐ-UBND 22/11/2021	9.800	9.800	9.800			5.500			3.000			
4	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học số 2 Nà Tấu, Thành phố Điện Biên Phủ	3069/QĐ-UBND 29/11/2021	14.500	14.500	14.500			2.000			6.400			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		89.400	87.000	86.800			400			12.000			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quyết Tiến, huyện Tủa Chùa	1931/QĐ-UBND 17/10/2022	14.500	14.500	14.500			200			2.000			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Điện Biên Đông	1922/QĐ-UBND 14/10/2022	14.500	14.500	14.500			200			2.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022			Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Xây dựng trường PTDT bán trú tiểu học xã Mường Đụn, huyện Tủa Chùa	3227/QĐ-UBND 14/12/2021	22.400	20.000	20.000						5.000			
4	Xây dựng trường phổ thông DTBT tiểu học Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông (giai đoạn I)	2203/QĐ-UBND 02/12/2022	38.000	38.000	37.800						3.000			
4	Ngành/linh vực: Khoa học và công nghệ		17.000	17.000	16.600			4.000			9.400			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		10.000	10.000	9.800			4.000			5.400			
1	Xây dựng trụ sở Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	3011/QĐ-UBND 19/11/2021	10.000	10.000	9.800			4.000			5.400			
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023		7.000	7.000	6.800						4.000			
1	Đầu tư trang thiết bị Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng tỉnh Điện Biên	2175/QĐ-UBND 25/11/2022	7.000	7.000	6.800						4.000			
5	Ngành/linh vực: Y tế, dân số và gia đình		64.850	64.850	58.950			13.900			18.625			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		26.850	26.850	21.150			9.700			9.000			
1	XD mới Khoa tiền lâm sàng và sửa chữa, nâng cấp một số khoa, phòng và các hạng mục phụ trợ Trường CĐ Y tế Điện Biên	1115/QĐ-UBND 30/10/2019	14.850	14.850	9.550			3.700			4.000			
2	Sửa chữa TTYT huyện Tuần Giáo	1420/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	5.800			3.000			2.500			
3	Sửa chữa TTYT huyện Tủa Chùa	1421/QĐ-UBND 16/12/2020	6.000	6.000	5.800			3.000			2.500			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		10.000	10.000	9.800			4.000			5.300			
1	Sửa chữa TTYT huyện Mường Chà	1422/QĐ-UBND 16/12/2020	10.000	10.000	9.800			4.000			5.300			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		28.000	28.000	28.000			200			4.325			

TT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022			Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD C B (nếu có)	Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD C B (nếu có)	
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD C B (nếu có)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh	3005/QĐ-UBND 19/11/2021	28.000	28.000	28.000			200			4.325			
6	Ngành/lĩnh vực: Văn hóa, thông tin		20.000	20.000	20.000			400			10.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2023		20.000	20.000	20.000			400			10.000			
1	Cải tạo, sửa chữa các công trình; điểm di tích phục vụ Lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ	880/QĐ-UBND 10/5/2022	20.000	20.000	20.000			400			10.000			
7	Ngành/lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình, thông tấn		16.900	10.000	10.000			9.000			500			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		16.900	10.000	10.000			9.000			500			
1	Nâng cấp xe phục vụ truyền hình lưu động, Đài PTTH tỉnh	3070/QĐ-UBND 29/11/2021	16.900	10.000	10.000			9.000			500			
8	Ngành/lĩnh vực: Thể dục thể thao		30.000	15.000	15.000						2.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2023		30.000	15.000	15.000						2.000			
1	Sân vận động huyện Điện Biên	1863/QĐ-UBND ngày 06/10/2022	30.000	15.000	15.000						2.000			
9	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường													
10	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế		1.045.660	620.891	486.179			133.360			146.605			
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		542.500	319.391	195.345			56.324			23.971			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		47.184	8.975	4.471						4.471			

TT	Danh mục dự áo	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD C B (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XD C B (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD C B (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng có nguy cơ sạt lở, lũ quét ĐBK K các bản Suối Lư I,II,III đến định cư tại khu vực bãi Huổi Pô, xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông	151/QĐ-UBND 14/2/2015; 914/QĐ- UBND 10/9/2020	47.184	8.975	4.471						4.471			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		122.500	110.500	75.674			56.074			11.500			
1	Thủy lợi Nậm Pồ xã Nà Hỳ, huyện Mường Nhé (nay là huyện Nậm Pồ)	1119/QĐ-UBND 30/10/2019; 92/QĐ- UBND 18/01/2022	60.000	60.000	46.174			41.174			2.500			
2	Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên	1003/QĐ-UBND 03/8/2016; 37/QĐ- UBND 10/01/2018	62.500	50.500	29.500			14.900			9.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		372.816	199.916	115.200			250			8.000			
1	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	26.000			250			2.000			
2	Kè chống sạt lở khu dân cư, đất sản xuất xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	865/QĐ-UBND 28/5/2021	39.800	39.800	35.600						2.000			
3	Hệ thống kênh nội đồng công trình hồ Nậm Ngám - Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông	863/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800						2.000			
4	Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	864/QĐ-UBND 28/5/2021	30.000	30.000	26.800						2.000			
10.2	Công nghiệp													
10.3	Giao thông		184.500	110.700	109.800			41.500			28.200			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		132.500	58.700	58.000			36.300			19.000			
1	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Huổi Luông A, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	990/QĐ-UBND 31/5/2021	19.000	10.500	10.500			6.561			3.500			
2	Đường giao thông lên bản + nội bản điểm ĐCĐC Hồ Nậm Cán, xã Lay Nưa, thị xã Mường Lay	988/QĐ-UBND 31/5/2021	13.600	3.800	3.800			239			3.300			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Đường Trung tâm xã Tênh Phong (Km1+967) - bản Thẩm Nặm, huyện Tuần Giáo	1491/QĐ-UBND 30/12/2020	14.000	10.100	10.000			7.000			2.500			
4	Sửa chữa, nâng cấp đường Tru Sở xã mới - Bản Chua Ta B, huyện ĐBD	1365/QĐ-UBND 30/7/2021	10.000	6.400	6.300			3.000			3.000			
5	Sửa chữa, nâng cấp đường Háng Lìa, Tia Đình, huyện ĐBD	1364/QĐ-UBND 30/7/2021	14.000	9.000	8.900			7.000			1.500			
6	Quốc Lộ 279 (Trạm khí tượng) đi trung tâm Pú Tầu xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	985/QĐ-UBND 31/5/2021	22.000	7.000	6.800			3.000			3.400			
7	Sửa chữa, nâng cấp đường nội thị Thị trấn, huyện Mường Chà	33/QĐ-UBND 08/01/2021	39.900	11.900	11.700			9.500			1.800			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		13.000	13.000	12.800			5.000			5.200			
1	NC SC đường nội thị, thảm BT nhựa 1 số trục đường nội thị thị trấn Điện Biên Đông	748/QĐ-UBND 19/5/2021	13.000	13.000	12.800			5.000			5.200			
'(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		39.000	39.000	39.000			200			4.000			
1	Cầu Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	2180/QĐ-UBND 25/11/2022	39.000	39.000	39.000			200			4.000			
10.4	Khu công nghiệp, khu kinh tế													
10.5	Thương mại													
10.6	Cấp thoát nước		14.500	14.500	14.500			5.839			5.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		14.500	14.500	14.500			5.839			5.000			
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của Nhà máy nước huyện Tủa Chùa	2064/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	14.500			5.839			5.000			
10.7	Kho tàng													
10.8	Du lịch		13.000	13.000	12.900			4.587			5.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		13.000	13.000	12.900			4.587			5.000			
1	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị công trình trung tâm giao lưu và thông tin du lịch Điện Biên Phủ	3044/QĐ-UBND 24/11/2021	13.000	13.000	12.900			4.587			5.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD CB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XD CB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
10.9	Bưu chính, viễn thông													
10.10	Công nghệ thông tin		39.460	39.460	39.460			9.110			17.500			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023		22.460	22.460	22.460			8.910			12.500			
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	3052/QĐ-UBND 25/11/2021	22.460	22.460	22.460			8.910			12.500			
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023		17.000	17.000	17.000			200			5.000			
1	Dự án số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Điện Biên	2154/QĐ-UBND 24/11/2022	17.000	17.000	17.000			200			5.000			
10.11	Quy hoạch													
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị		251.700	123.840	114.174			16.000			66.934			
(1)	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022		139.000	49.000	39.734						39.734			
1	Sân ôi mặt bằng, đường nội thị trung tâm huyện lỵ Nậm Pồ	1077/QĐ-UBND 29/10/2019; 1725/QĐ-UBND 23/9/2021; 730/QĐ-UBND 28/4/2022	139.000	49.000	39.734						39.734			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		25.000	10.000	10.000			5.000			4.000			
1	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	3140/QĐ-UBND 30/11/2021	25.000	10.000	10.000			5.000			4.000			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		72.800	54.840	54.640			11.000			21.200			
1	Kè bảo vệ khu dân cư và công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tân Tốc thị trấn Mường Ảng (giai đoạn II)	1705/QĐ-UBND 17/9/2021	39.800	31.840	31.640			5.000			10.000			
2	Nghĩa trang nhân dân huyện Mường Ảng (giai đoạn I)	3135/QĐ-UBND 29/11/2021	20.000	10.000	10.000			4.000			4.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Nghĩa trang nhân dân thị xã Mường Lay (giai đoạn 1)	3142/QĐ-UBND 30/11/2021	13.000	13.000	13.000			2.000			7.200			
(4)	Công trình khởi công mới năm 2023		14.900	10.000	9.800						2.000			
1	Nâng cấp, sửa chữa rãnh thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ	2204/QĐ-UBND 02/12/2022	14.900	10.000	9.800						2.000			
10.13	Cấp vốn điều lệ cho NHCS; hỗ trợ DN đầu tư vào NN nông thôn; hỗ trợ DNNVV; hỗ trợ HTX													
11	Ngành/lĩnh vực: Hoạt động của cơ quan QLNN		162.385	95.250	94.550			39.876			32.924			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		92.435	60.300	59.700			34.876			21.924			
1	Xây mới trụ sở UBND xã Pá Khoang, TP ĐBP	629/QĐ-UBND 28/4/2021	9.200	7.700	7.500			5.000			2.200			
2	Trụ sở xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ	1103/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	6.200			6.000			200			
3	Trụ sở xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	1102/QĐ-UBND 23/6/2021	9.000	6.300	6.200			5.876			324			
4	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa Trung tâm hoạt động TTN Điện Biên	3072/QĐ-UBND 29/11/2021	8.000	8.000	8.000			5.000			2.700			
5	Trung tâm hội nghị - văn hóa huyện Mường Ảng	1791/QĐ-UBND 01/10/2021	30.245	15.000	15.000			8.000			6.500			
6	Trụ sở Trung tâm quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn tỉnh Điện Biên	3071/QĐ-UBND 29/11/2021	12.000	12.000	11.800			5.000			6.000			
7	Nâng cấp, sửa chữa Nhà khách Huyện ủy - HĐND và UBND huyện Tủa Chùa	1656/QĐ-UBND 9/9/2021	14.990	5.000	5.000						4.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		14.950	14.950	14.850			5.000			8.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Dự án sửa chữa, nâng cấp trụ sở Đoàn nghệ thuật tỉnh	1826/QĐ-UBND 07/10/2021	14.950	14.950	14.850			5.000			8.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		55.000	20.000	20.000						3.000			
1	Hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc và công trình phụ trợ Hội Cựu chiến binh tỉnh	2037/QĐ-UBND 04/11/2022	55.000	20.000	20.000						3.000			
12	Ngành/lĩnh vực: Xã hội		9.500	9.500	9.500			4.000			4.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		9.500	9.500	9.500			4.000			4.000			
1	Dự án xây dựng Nhà lưu xá sinh viên làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	2093/QĐ-UBND 18/11/2021	9.500	9.500	9.500			4.000			4.000			
C	Vốn xô số kiến thiết		229.710	203.889	112.200			28.190			35.000			
I	Ngành/lĩnh vực: Giáo dục đào tạo - GD nghề nghiệp		160.810	134.989	43.300			14.340			11.552			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		132.810	106.989	15.300			9.648			5.152			
1	Trường THPT Lương Thế Vinh	835/QĐ-UBND 10/9/2012; 1102/QĐ-UBND 01/9/2016; 876/QĐ 17/9/2019	121.810	95.989	4.300			1.648			2.652			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	3018/QĐ-UBND 22/11/2021	11.000	11.000	11.000			8.000			2.500			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		10.000	10.000	10.000			4.350			3.000			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THCS THPT Quài Tở, huyện Tuần Giáo	2999/QĐ-UBND 18/11/2021	10.000	10.000	10.000			4.350			3.000			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		18.000	18.000	18.000			342			3.400			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường CD Sư phạm	2058/QĐ-UBND 09/11/2022	8.000	8.000	8.000			142			1.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSDP năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất thực hành nghề, trường Cao đẳng Nghề	2146/QĐ-UBND 22/11/2022	10.000	10.000	10.000			200			2.400			
II	Ngành/lĩnh vực: Y tế		55.900	55.900	55.900			13.850			19.948			
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		11.500	11.500	11.500			7.000			3.500			
1	Trạm Y tế Thị trấn Mường Chà	2091/QĐ-UBND 18/11/2021	5.000	5.000	5.000			3.000			1.500			
2	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Trung tâm Pháp y tỉnh Điện Biên	2090/QĐUBND 18/11/2021	6.500	6.500	6.500			4.000			2.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		22.700	22.700	22.700			6.300			10.248			
1	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Xa Dung, Pú Hồng, Noong U huyện Điện Biên Đông	3001/QĐ-UBND 19/11/2021	5.000	5.000	5.000			2.000			2.500			
2	Nâng cấp, sửa chữa 3 trạm y tế xã Mường Pôn, Pom Lót huyện Điện Biên và xã Nà Nhạn TP. Điện Biên Phủ	3004/QĐUBND 19/11/2021	5.700	5.700	5.700			2.000			2.000			
3	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất các khoa phòng của trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh và trụ sở làm việc của Sở Y tế	2089/QĐUBND 19/11/2021	12.000	12.000	12.000			2.300			5.748			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023		21.700	21.700	21.700			550			6.200			
1	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế phường Him Lam TP Điện Biên Phủ	1884/QĐUBND 10/10/2022	1.500	1.500	1.500			50			1.200			
2	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Ngòi Cây, Ảng Nưa, Mường Đăng, Mường Lạn huyện Mường Ảng	1921/QĐUBND 14/10/2022	7.600	7.600	7.600			200			2.000			
3	Nâng cấp, sửa chữa 4 trạm y tế xã Chiềng Sinh, Nà Sáy, Quài Nưa, Ta Ma huyện Tuần Giáo	2036/QĐUBND 04/11/2022	7.600	7.600	7.600			200			2.000			
4	Trạm Y tế xã Thanh An, huyện Điện Biên	3003/QĐUBND 19/11/2021	5.000	5.000	5.000			100			1.000			

[illegible]

Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-1025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG		1.456.716	1.387.174	1.383.962			440.733			632.564			
AA	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐBDTTS&MN		1.456.716	1.387.174	1.383.962			440.733			632.564			
A	TỔNG HỢP CHUNG		1.456.716	1.387.174	1.383.962			440.733			632.564			
A1	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH		175.300	147.285	147.285			63.990			83.296			
1	SỞ Y TẾ		68.000	39.985	39.985			25.990			13.996			
2	BAN DÂN TỘC TỈNH		7.300	7.300	7.300						7.300			
A2	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN		1.281.416	1.239.889	1.236.677			376.743			549.268			
1	THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ		6.200	6.200	6.200						6.200			
2	HUYỆN ĐIỆN BIÊN		88.761	87.932	87.932			32.900			39.063			
3	HUYỆN TUẦN GIÁC		242.842	231.230	231.230						98.170			
4	HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG		232.538	232.538	232.538			104.893			90.803			
5	HUYỆN MƯỜNG ẢNH		106.285	92.531	92.531			18.616			41.869			
6	HUYỆN MƯỜNG NHÉ		138.307	138.307	135.095			52.490			60.877			

STT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
7	HUYỆN MUỜNG CHÀ		192.894	186.740	186.740			87.708			71.432			
8	HUYỆN TỬA CHÙA		114.243	114.243	114.243			31.495			59.309			
9	HUYỆN NAM PÔ		153.650	144.743	144.743			48.641			79.045			
10	THỊ XÃ MUỜNG LAY		5.697	5.426	5.426						2.500			
B	CHI TIẾT TỪNG ĐƠN VỊ													
BI	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH		175.300	147.285	147.285	-	-	63.990	-	-	83.296			
BI.1	SỞ Y TẾ		68.000	39.985	39.985			25.990			13.996			
I	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		10.000	10.000	10.000			5.000			5.000			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		10.000	10.000	10.000			5.000			5.000			
1	Trạm Y tế xã Nà Hỳ huyện Nam Pô	Quyết định số 1994/ QĐ-UBND ngày 03/11/2021	5.000	5.000	5.000			2.500			2.500			
2	Trạm Y tế xã Xa Lông huyện Mường Chà	Quyết định số 1122 /QĐ-UBND ngày 30/6/ 2022	5.000	5.000	5.000			2.500			2.500			
II	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe cho nhân dân		58.000	29.985	29.985			20.990			8.996			
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		58.000	29.985	29.985			20.990			8.996			
1	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Điện Biên Đông	Quyết định số 1123 /QĐ-UBND ngày 30/6/ 2022	28.000	14.000	14.000			9.800			4.200			
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé	Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 30/6/ 2022	30.000	15.985	15.985			11.190			4.796			
BI.2	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		100.000	100.000	100.000			38.000			62.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trang đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trang đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trang đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		100.000	100.000	100.000			38.000			62.000			
IV.2	Đầu tư Trường PTDTNT		100.000	100.000	100.000			38.000			62.000			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		100.000	100.000	100.000			38.000			62.000			
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT tỉnh Điện Biên	Quyết định số 1678/ QĐ-UBND ngày 14/9/2021	80.000	80.000	80.000			30.000			50.000			
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTNT huyện Mường Chà.	Quyết định số 1650/ QĐ-UBND ngày 08/9/2021	20.000	20.000	20.000			8.000			12.000			
B1.3	BAN DÂN TỘC TỈNH		7.300	7.300	7.300			-			7.300			Chưa đủ điều kiện phân bổ
1	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Púng Bón, xã Pa Thơm, huyện Điện Biên		2.400	2.400	2.400									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục
2	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Lá Chà, xã Pa Tần, huyện Nậm Pồ		2.400	2.400	2.400									
3	Nhà sinh hoạt cộng đồng bản Nậm Kê, xã Nậm Kê, huyện Mường Nhé		2.500	2.500	2.500									
B2	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN		1.281.416	1.239.889	1.236.677			376.743			549.268			
B2.1	THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ		6.200	6.200	6.200			-			6.200			
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		6.200	6.200	6.200			-			6.200			
L1	Nước sinh hoạt tập trung		6.200	6.200	6.200			-			6.200			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		6.200	6.200	6.200			-			6.200			
1	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt bản Vang, xã Pá Khoang	Số 2622/QĐ-UBND; 16/11/2022	1.100	1.100	1.100						1.100			
2	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt bản Kéo, xã Pá Khoang	Số 2623/QĐ-UBND; 16/11/2022	1.100	1.100	1.100						1.100			
3	Công trình nước sạch bản Phiêng Lơi xã Thanh Minh	Số 2624/QĐ-UBND; 16/11/2022	1.500	1.500	1.500						1.500			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trang đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XDCB	
4	Công trình nước sạch bản Nà Nghè xã Thanh Minh	Số 2625/QĐ-UBND; 16/11/2023	1.500	1.500	1.500						1.500			
5	Công trình nước sạch bản Tân Quang xã Thanh Minh	2626/QĐ-UBND; 16/11/2024	1.000	1.000	1.000						1.000			
B2.2	HUYỆN ĐIỆN BIÊN		88.761	87.932	87.932				32.900		39.063			
1	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		5.685	5.633	5.633				-		5.633			
I.1	Nước sinh hoạt tập trung		5.685	5.633	5.633				-		5.633			
a)	Dự án khởi công mới 2023		5.685	5.633	5.633	-	-	-	-	-	5.633			
	Dự án đủ điều kiện phân bổ		1.052	1.000	1.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	
1	Nước sinh hoạt bản Sảng, xã Thanh An	Quyết định số 3819/QĐ-UBND, ngày 30/11/2022	1.052	1.000	1.000						1.000			
	Chưa đủ điều kiện phân bổ		4.633	4.633	4.633	-	-	-	-	-	4.633			Chưa đủ điều kiện phân bổ
2	Nước sinh hoạt bản Pom Khoang, xã Thanh Nưa		2.245	2.245	2.245									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện
3	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Long Tông, xã Thanh Luông		1.500	1.500	1.500									
4	Nước sinh hoạt bản Huồi Púng, xã Thanh An		888	888	888									
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		13.967	13.269	13.269				-		5.000			
a)	Các dự án khởi công mới 2023		13.967	13.269	13.269				-		5.000			Chưa đủ điều kiện phân bổ
1	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Pa Xa Xá		13.967	13.269	13.269									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trang vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		50.109	50.030	50.030				19.600		22.730			
III.1	Đầu tư CSHT		22.109	22.030	22.030				-		14.330			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		22.109	22.030	22.030	-	-	-	-	-	14.330			
	Dự án điều kiện phân bổ		1.579	1.500	1.500	-	-	-	-	-	1.500			
1	Nâng cấp sửa chữa công trình nước sạch bản Huổi Không, bản Co Đũa, xã Mường Lói	Quyết định số 3834/QĐ-UBND, ngày 01/12/2022	1.579	1.500	1.500						1.500			
	Chưa đủ điều kiện phân bổ		20.530	20.530	20.530	-	-	-	-	-	12.830	-	-	Chưa đủ điều kiện phân bổ
1	Sân nền, đầu tư cơ sở hạ tầng địa điểm mới bản Hối Mối xã Pa Thơm		2.730	2.730	2.730									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi đủ điều kiện
2	Thủy lợi Na Ô bản Lính, thủy lợi Na Lâu bản Lính xã Mường Pôn		5.100	5.100	5.100									
3	Đường từ bản Hẹ 1 đến Bản Na Côm xã Hẹ Mường		9.100	9.100	9.100									
4	Nước sinh hoạt nhánh A bản Na Ủ, xã Na Ủ		1.500	1.500	1.500									
6	Nước sạch bản Mường Pôn 1,2, bản Cò Chạy 1,2 xã Mường Pôn		2.100	2.100	2.100									
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		28.000	28.000	28.000			19.600			8.400			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		28.000	28.000	28.000			19.600			8.400			
1	Nâng cấp đường giao thông từ bản Huổi Un đi QL12 (ra trung tâm xã), xã Mường Pôn huyện Điện Biên	Quyết định số 118 QĐ-UBND ngày 20/1/2022	19.000	19.000	19.000			13.300			5.700			
2	Đường giao thông bản Cha đến trung tâm xã Thanh An	Quyết định số 115 QĐ-UBND ngày 20/1/2022	9.000	9.000	9.000			6.300			2.700			
V	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		19.000	19.000	19.000			13.300			5.700			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		19.000	19.000	19.000			13.300			5.700			
1	Điện Sinh hoạt bản Huổi Mối xã Pa Thơm huyện Điện Biên	Quyết định số 1870 QĐ-UBND ngày 15/10/2021	19.000	19.000	19.000			13.300			5.700			
B2.3	HUYỆN TUẦN GIÁO		242.842	231.230	231.230						98.170			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hạn đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trang đã:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trang đã:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
1	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		7.247	6.885	6.885						3.500			
I.1	Nước sinh hoạt tập trung		7.247	6.885	6.885						3.500			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		7.247	6.885	6.885						3.500			
1	NSH trung tâm xã Pú Xi mới	Số 191/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	2.900	2.755	2.755						1.000			
2	NHS bản Ten Hoa + Thăm Nậm xã Tênh Phông	Số 153/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	4.347	4.130	4.130						2.500			
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		8.822	8.381	8.381						4.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		8.822	8.381	8.381						4.000			
1	Dự án bố trí dân cư vùng có nguy cơ thiên tai đến định cư tại khu Á Lệnh, xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	Số 174/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	8.822	8.381	8.381						4.000			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		143.145	136.518	136.518						57.670			
III.1	Đầu tư CSHT		143.145	136.518	136.518	-	-	-	-	-	57.670			
b)	Các dự án khởi công mới năm 2023		143.145	136.518	136.518						57.670			
1	Đường từ bản Nôm đi bản Hua Nạ	Số 180/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	13.545	12.868	12.868						5.000			
2	Đường từ bản Chấn đi bản Hua Chấn xã Chiềng Đông	Số 181/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	14.900	14.155	14.155						6.000			
3	Thủy lợi bản Kệt xã Quải Cang	Số 194/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	3.500	3.325	3.325						1.500			
4	Cầu vào bản Kéo Lạ xã Nà Sáy	Số 190/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	6.000	5.700	5.700						2.500			
5	Đường Huổi khạ - Pú Piến xã Mường Mùn (Giai đoạn 2)	Số 179/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	6.000	5.700	5.700						2.500			
6	Đường QL6 -Khu sản xuất bản Háng tàu xã Tỏa Tình	Số 195/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	5.700	5.700	5.700						2.500			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
7	Đường từ bản Phiêng Hoa -Á Lềnh, xã Phình Sáng	Số 2201a/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	40.000	38.000	38.000						14.670			
8	Đường + Ngầm bán Co Đưa xã Mường Khong	Số 196/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	6.000	5.700	5.700						2.500			
9	Đường + ngầm bán Khong Nua xã Mường Khong	Số 178/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	4.000	3.800	3.800						2.000			
10	Đường vào bản Há Dừa xã Tênh Phông (GD2)	Số 177/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	5.500	5.225	5.225						2.500			
12	Đường từ ngã ba đi Nà Đẳng - bản Trăm Cù xã Ta Ma	Số 182/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	13.000	12.350	12.350						5.000			
13	Đường từ TT xã Pú Xi - bản Pú Xi 2	Số 183/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.100	9.421	9.421						5.000			
14	Đường từ bản Hua Múc III đi bản Thảm Táng xã Pú Xi (Giai đoạn 1)	Số 184/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	14.900	14.574	14.574						6.000			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		83.628	79.446	79.446						33.000			
1	Trường PTDT BT TH Bình Minh	Số 188/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.028	13.326	13.326						5.000			
2	Trường PTDTBT TH Mường Mùn	Số 198/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	10.000	9.500	9.500						4.000			
3	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	Số 187/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900	14.155	14.155						6.000			
4	Trường PTDTBT THCS Phình Sáng	Số 186/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	14.900	14.155	14.155						6.000			
5	Trường PTDTBT TH Nà Tông	Số 189/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	14.900	14.155	14.155						6.000			
6	Trường PTDTBT TH Nậm Dìn	Số 185/QĐ-UBND ngày 03/11/2022	14.900	14.155	14.155						6.000			
B2.4	HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG		232.538	232.538	232.538			104.893			90.803			
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.900	2.900	2.900						2.900			
I.1	Nước sinh hoạt tập trung		2.900	2.900	2.900						2.900			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		2.900	2.900	2.900						2.900			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trang đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trang đó:				
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trang đó:						
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB				
1	NSH bán Ho Cốc xã Na Son	2628/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	2.900	2.900	2.900						2.900				
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		47.702	47.702	47.702				33.391			14.311			
a)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023		47.702	47.702	47.702				33.391			14.311			
1	Dự án di chuyển dân bản Tia Đình xuống bản chua Ta xã Tia Đình, huyện Điện Biên Đông	Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	27.702	27.702	27.702				19.391			8.311			
2	Dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai bản Mường tỉnh A xã Xa Dung, huyện Điện Biên Đông	Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	20.000	20.000	20.000				14.000			6.000			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		161.936	161.936	161.936				57.502			67.592			
III.1	Đầu tư CSHT		43.436	43.436	43.436				-			18.594			
a)	Các dự án khởi công mới năm 2023		43.436	43.436	43.436				-			18.594			
7	Thủy lợi khu Tia Súa bản Tà Tẻ xã Nong U	2629/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	6.536	6.536	6.536							3.000			
8	Hệ thống điện sinh hoạt các xã Tia Đình (bản Hàng Súa, Na Su, Tào La)	2616/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.900	14.900	14.900							6.000			
9	Hệ thống điện sinh hoạt bản Huổi Sông xã Hàng Lìa	2618/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	8.000	8.000	8.000							4.594			
10	Hệ thống điện sinh hoạt các xã Pú Hồng (bản Nậm Ma, Ao Cá, Mường Ten, Tổng Sớ)	2617/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14.000	14.000	14.000							5.000			
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		105.500	105.500	105.500				57.502			40.998			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		92.500	92.500	92.500				57.502			34.998			
1	Nâng cấp đường Tia Lô- Dư O- Thanh Ngám	Quyết định số 219/QĐ-UBND ngày 07/02/2022	14.500	14.500	14.500				8.902			5.598			
2	Nâng cấp đường giao thông ngã 3 Keo Lôm - Tia Lô	Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 29/12/2021	14.500	14.500	14.500				10.150			4.350			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XDCB	
3	Đường Km7+400 Na Sơn - Thảm Mỹ A,B - Nà Sản	Quyết định số 361/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	21.000	21.000	21.000			14.700			6.300			
4	Nâng cấp đường Keo Lôm - Trung Súa xã Keo Lôm	Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	12.500	12.500	12.500			8.750			3.750			
5	Nâng cấp đường giao thông Nà Sản - Mường Tịch A,B,C - bản Chông	Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 07/2/2022	30.000	30.000	30.000			15.000			15.000			
b)	Các dự án khởi công mới năm 2023		13.000	13.000	13.000			-			6.000			
1	Nâng cấp, mở rộng đường Na Sơn Chóp Ly	Quyết định số 2630- QĐ UBND ngày 21/11/2022	13.000	13.000	13.000						6.000			
III.4	Xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS&MN		13.000	13.000	13.000			-			8.000			
a)	Các dự án khởi công mới năm 2023		13.000	13.000	13.000			-			8.000			
1	Nâng cấp Chợ Mường Luân	Số 2631/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	1.000	1.000	1.000						1.000			
2	Xây mới Chợ liên xã Phình Giàng - Pù Hông	Số 2632/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	5.000	5.000	5.000						2.500			
3	Xây mới Chợ liên xã Xa Dung - Phi Nhù	Số 2633/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	5.000	5.000	5.000						2.500			
4	Xây mới Chợ Háng Lía	Số 2641/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	1.000	1.000	1.000						1.000			
5	Nâng Cấp Chợ Suối Lư xã Phi Nhù	Số 2642/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	1.000	1.000	1.000						1.000			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		20.000	20.000	20.000	-	-	14.000	-	-	6.000			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		20.000	20.000	20.000			14.000			6.000			
1	Nâng cấp, bổ sung Trường PTDT bán trú Tiểu học và THCS Tia Đình, xã Tia Đình	Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 3/11/2021	20.000	20.000	20.000			14.000			6.000			
B2.5	HUYỆN MUỐNG ẮNG		106.285	92.531	92.531			18.616			41.869			
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		17.855	17.855	17.855			-			9.891			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
I.1	Nước sinh hoạt tập trung		17.855	17.855	17.855			-			9.891			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		17.855	17.855	17.855			-			9.891			
1	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt bản Kéo Nánh, xã Búng Lao	Số 4141/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	1.500	1.500	1.500						1.500			
2	Nước sinh hoạt các bản thuộc trung tâm xã Ảng Càng	Số 4142/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	4.500	4.500	4.500						2.000			
3	NSH bản thẳm Tọ, xã Xuân Lao	Số 4143/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	1.391	1.391	1.391						1.391			
4	Nước sinh hoạt bản Chan II, xã Mường Đăng	Số 2922/QĐ-UBND ngày 14/07/2022	6.000	6.000	6.000						3.000			
5	Nước sinh hoạt trung tâm xã Mường Đăng và các bản lân cận	Số 4144/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	4.464	4.464	4.464						2.000			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		76.500	62.746	62.746			18.616			26.978			
III.1	Đầu tư CSHT		7.500	7.500	7.500			-			5.000			
a)	Dự án khởi công mới 2023		7.500	7.500	7.500			-			5.000			
1	Đường dân sinh bản Mảnh Đanh, xã Ảng Càng	Số 4145/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	5.000	5.000	5.000						2.500			
2	Thủy lợi Nà Búa Tàu bản lạn A, xã Mường Lạn	Số 4146/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	2.500	2.500	2.500						2.500			
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		69.000	55.246	55.246			18.616			21.978			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		30.000	26.594	26.594			18.616			7.978			
1	Đường đi vào khu sản xuất bản Kéo Nánh xã Búng Lao	Quyết định số 220/QĐ-UBND, ngày 07/2/2022	10.000	10.000	10.000			7.000			3.000			
2	Nâng cấp mặt đường từ trung tâm huyện đi xã Nậm Lịch (đoạn từ Km37 QL279 - xã Nậm Lịch)	Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	20.000	16.594	16.594			11.616			4.978			
h)	Dự án khởi công mới năm 2023		39.000	28.651	28.651						14.000			
1	Đường liên xã từ bản Xuân Ban (xã Ngòi Cây) đến bản Pú Tiu (xã Ảng Tở)	Số 4147/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	14.000	8.051	8.051						4.000			
2	Nâng cấp đường dân sinh bản Thái, xã Mường Đăng (Đoạn đỉnh đèo Tằng Quái - Bản Thái)	Số 4148/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	5.000	5.000	5.000						2.500			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trang đã: đã giao KH các năm 2021, 2022			Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD CB	Tổng số	Trong đó:			Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD CB	
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XD CB				
3	Nâng cấp đường Pù Súa - Ảng Cang đi bản Huải Lương, xã Năm Lịch	Số 4149/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	10.000	5.600	5.600						2.500			
4	Nâng cấp đường từ thị trấn Mường Ảng - xã Ảng Nưa	Số 4150/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	10.000	10.000	10.000						5.000			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		11.930	11.930	11.930						5.000			
a)	Dự án Khởi công mới 2023		11.930	11.930	11.930						5.000			
I	Trường PTDTBT Tiểu học Ảng Tở	Số 4253/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	11.930	11.930	11.930						5.000			
B2.6	HUYỆN MUÔNG NHÉ		138.307	138.307	135.095			52.490			60.877	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		14.823	14.823	14.823			-			9.523			
I.1	Nước sinh hoạt tập trung		14.823	14.823	14.823			-			9.523			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		14.823	14.823	14.823			-			9.523			
1	Nước Sinh hoạt bản bản Tàng Phan xã Pá Mý	Số 1339/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.023	2.023	2.023						2.023			
2	Đầu tư mới công trình NSH bản Pá Mý 3 (nhóm 2)	Số 1340/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	4.000	4.000	4.000						2.000			
3	Đầu tư mới công trình NSH bản Huải Lịch 1 (nhóm 2)	Số 1341/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.800	3.800	3.800						2.000			
4	Đầu tư mới công trình NSH bản Năm Mý 2	Số 1342/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	1.500	1.500	1.500						1.500			
5	Đầu tư mới công trình NSH bản Pa Tét	Số 1343/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	3.500	3.500	3.500						2.000			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		46.928	46.928	46.928	-	-	10.150	-	-	20.350			
III.1	Đầu tư CSHT		46.928	46.928	46.928			10.150			20.350			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		14.500	14.500	14.500			10.150			4.350			
1	Nâng cấp đường Tá Co Ky, xã Sín Thầu	Quyết định số 3258 QĐ/UBND ngày 17/12/2021	14.500	14.500	14.500			10.150			4.350			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
b)	Các dự án khởi công mới năm 2023		32.428	32.428	32.428				-		16.000			
1	Đường bê tông nội bản Huổi Lich 2, xã Pá Mý	Số 1344/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	5.828	5.828	5.828						3.000			
2	Cung hòa đường giao thông nội bản Huổi Chạ 1, 2, xã Nậm Vi	Số 1345/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	9.600	9.600	9.600						4.500			
3	Đường giao thông Tá Miếu đi Km5+900 đường tuần tra biên giới, xã Sin Thầu	Số 1346/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	12.000	12.000	12.000						6.000			
4	Kế bảo vệ dân cư bản Pa Ma xã Sen Thượng	Số 1347/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	5.000	5.000	5.000						2.500			
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		50.056	50.056	50.056	-	-	27.539	-	-	22.517	-	-	
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		50.056	50.056	50.056			27.539			22.517			
1	Trường PTDTBT Tiểu học Chung Chải số 1, xã Chung Chải	Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	12.528	12.528	12.528			8.770			3.758			
1	Cải tạo sửa chữa trường phổ thông dân tộc bản trí trường tiểu học Trần Văn Thọ xã Mường Nhé	Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	12.528	12.528	12.528			8.770			3.758			
3	Trường PTDT bán trú Tiểu học số 1 xã Mường Toong huyện Mường Nhé	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	25.000	25.000	25.000			10.000			15.000			
V	DỰ ÁN 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn		26.500	26.500	23.288			14.801			8.487			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		26.500	26.500	23.288			14.801			8.487			
1	Đường Nậm Vi- Nậm Sin, xã Nậm Vi	Quyết định số 828/ QĐ-UBND ngày 27/5/2021	26.500	26.500	23.288			14.801			8.487			
B2.7	HUYỆN MUÔNG CHÀ		192.894	186.740	186.740	-	-	87.708	-	-	71.432			
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		65.071	58.917	58.917			42.266			16.651			
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		65.071	58.917	58.917			42.266			16.651			
1	Dự án di chuyển dân cư bản Huổi Thầu Đeng, xã Pa Ham (nay là xã Nậm Nón), huyện Mường Chà	Quyết định số 1709/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	30.000	23.846	23.846			16.692			7.154			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tăng mức đầu tư		Tổng số	Trang đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trang đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XDCB	
2	Dự án di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai tại Bản Huổi Tòong 1, 2 xã Huổi Lêng, huyện Mường Chà	Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	35.071	35.071	35.071			25.574			9.497			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		106.520	106.520	106.520			32.660			46.260			
III.1	Đầu tư CSHT		90.600	90.600	90.600	-	-	21.516	-	-	41.484			
h)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		90.600	90.600	90.600			21.516			41.484			
h1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		36.000	36.000	36.000			21.516			14.484			
1	Đường vào bản Ma Lù Thàng 2, xã Huổi Lêng	Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 14/8/2022	18.000	18.000	18.000			12.516			5.484			
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường PTDTBT THCS Ma Thì Hồ xã Ma Thì Hồ (phòng học, phòng nội trú, phòng chức năng và các công trình phụ trợ)	Quyết định số 2741/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường Chà	8.500	8.500	8.500			4.500			4.000			
3	Nâng cấp, sửa chữa trường PTDTBT THCS Hừa Ngải, xã Hừa Ngải (phòng học, phòng nội trú, phòng chức năng và các công trình phụ trợ)	Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường Chà	9.500	9.500	9.500			4.500			5.000			
b2)	Các dự án khởi công mới năm 2023		54.600	54.600	54.600			-			27.000			
	Đủ điều kiện phân bổ										24.000			
1	Thủy lợi và NSH bản Pú Chá, xã Mường Mươn	Số 5041/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	11.000	11.000	11.000						6.000			
2	Thủy lợi bản Huổi Nhả, xã Mường Mươn	Số 5046/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.000	6.000	6.000						3.000			
3	Đường vào điểm di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai tại bản Huổi Tòong 1, 2 xã Huổi Lêng	Số 5043/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.800	6.800	6.800						3.000			
4	Nước sinh hoạt điểm di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai tại bản Huổi Tòong 1, 2 xã Huổi Lêng	Số 5048/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.300	6.300	6.300						3.000			
6	Đường giao thông bản Lùng Thàng 2 - bản Pa Soan 1, xã Huổi Mí	Số 5042/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	16.500	16.500	16.500						9.000			
	Chưa đủ điều kiện phân bổ		4.000	4.000	4.000	-	-	-	-	-	3.000			Chưa đủ điều kiện phân bổ

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hạn đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
5	Đường điện sinh hoạt điểm di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai bản Huổi Toóng 1, 2 xã Huổi Lèng		4,000	4,000	4,000									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		15.920	15.920	15.920				11.144			4,776		
b	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		15.920	15.920	15.920				11.144			4,776		
1	Đường giao thông QL12 - bản Pú Chá, xã Mường Mươn	Quyết định số 1230/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	15.920	15.920	15.920				11.144			4,776		
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		21.303	21.303	21.303				12.782			8,521		
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		21.303	21.303	21.303				12.782			8,521		
1	Nhà công vụ và phòng ở nội trú trường PTDTBT Tiểu học Ma Thì Hồ, huyện Mường Chá	Quyết định số 2743/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường Chá	9.403	9.403	9.403				5.642			3,761		
2	Nhà công vụ và phòng ở nội trú trường PTDTBT Tiểu học Nậm He, huyện Mường Chá	Quyết định số 2744/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường Chá	5.100	5.100	5.100				3.060			2,040		
3	Nhà công vụ và phòng ở nội trú trường PTDTBT Tiểu học Hứa Ngải, huyện Mường Chá	Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của UBND huyện Mường Chá	6.800	6.800	6.800				4.080			2,720		
B2.8	HUYỆN TỬA CHỪA		114.243	114.243	114.243				31.495			59,309		
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		2.800	2.800	2.800				-			2,800		
I.1	Nước sinh hoạt tập trung		2.800	2.800	2.800				-			2,800		
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		2.800	2.800	2.800				-			2,800		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trang đó:		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XDCB	
1	Nước sinh hoạt thôn 3, xã Lao Xã Phình, huyện Tủa Chùa		2.800	2.800	2.800									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục
II	DỰ ÁN 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		20.022	20.022	20.022						9.516			
a	Dự án khởi công mới năm 2023		20.022	20.022	20.022						9.516			Chưa đủ điều kiện phân bổ
I	Dự án sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Sô, xã Huổi Sô huyện Tủa Chùa		20.022	20.022	20.022									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		65.368	65.368	65.368				17.495		34.940			
III.1	Đầu tư CSHT		19.878	19.878	19.878						13.445			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		19.878	19.878	19.878						13.445			Chưa đủ điều kiện phân bổ
1	Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Huổi sô, xã Huổi Sô		9.373	9.373	9.373									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục
2	Cấp nước sinh hoạt bản Huổi sô, xã Huổi Sô		2.335	2.335	2.335									
3	Thoát nước thải, vệ sinh môi trường bản Huổi sô, xã Huổi Sô		1.830	1.830	1.830									
4	Cấp điện sinh hoạt bản Huổi sô, xã Huổi Sô		4.060	4.060	4.060									
5	Hạ tầng thông tin và truyền thông bản Huổi sô, xã Huổi Sô		2.280	2.280	2.280									
III.2	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		34.990	34.990	34.990				17.495		17.495			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		34.990	34.990	34.990				17.495		17.495			
1	Đường Trung tâm xã Mường Đun- bản Hốt	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 08/02/2022	14.990	14.990	14.990				7.495		7.495			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
1	Tuyến đường từ Sinh Phình - Trung Thu - Lao Xã Phình - Tả Sín Thàng (Trung tâm xã Trung Thu đi Bản Phố- Càng Phình), huyện Tủa Chùa	Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	20.000	20.000	20.000			10.000			10.000			
III.4	Xây dựng, cải tạo mạng lưới chợ vùng DTTS&MN		10.500	10.500	10.500			-			4.000			
a)	Dự án khởi công mới năm 2023		10.500	10.500	10.500			-			4.000			Chưa đủ điều kiệnj phân bổ
1	Chợ Huổi Lông xã Huổi Sô		10.500	10.500	10.500									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		26.053	26.053	26.053			14.000			12.053			
a)	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		26.053	26.053	26.053			14.000			12.053			
1	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Tủa Thàng	Quyết định số 3363/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	12.853	12.853	12.853			7.000			5.853			
1	Bổ sung, nâng cấp các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn xã Sinh Phình	Quyết định số 3364/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	13.200	13.200	13.200			7.000			6.200			
B2.9	HUYỆN NẬM PÔ		153.650	144.743	144.743			48.641			79.045			
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		11.500	11.500	11.500			-			7.000			
LI	Nước sinh hoạt tập trung		11.500	11.500	11.500			-			7.000			
a)	Các dự án khởi công mới 2023		11.500	11.500	11.500			-			7.000			
1	Nước sinh hoạt trung tâm xã Nà Hỳ	Số: 2363/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	6.000	6.000	6.000						3.500			
2	Nước sinh hoạt Nậm Nhừ 1, trung tâm xã Nậm Nhừ	Số: 2364/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	5.500	5.500	5.500						3.500			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư hạn đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm hạn hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trang số:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		104.500	95.593	95.593			30.436			55.600			
III.1	Đầu tư CSHT		65.000	56.093	56.093			15.936			30.600			
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		22.000	22.000	22.000			15.400			6.600			
1	Đường bê tông nội hệ hân Huổi Cơ Đạo, Lai Khoang, Nà Hỳ 1,2 xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	9.000	9.000	9.000			6.300			2.700			
2	Đường bê tông liên bản Nà Hỳ 3 - Nà Hỳ 2 xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 7/2/2022	3000	3000	3.000			2.100			900			
3	Nâng cấp đường vào hân Huổi Khương xã Pa Tần, huyện Nậm Pồ	Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	10.000	10.000	10.000			7.000			3.000			
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023		35.000	26.093	26.093			536			20.000			
1	Cầu, đường từ khu trung tâm huyện sang khu tái định cư và Trường PTDTNT THPT Nậm Pồ, huyện Nậm Pồ	Số 1715/QĐ-UBND ngày 18/9/2022	35.000	26.093	26.093			536			20.000			
e)	Các dự án khởi công mới năm 2023		8.000	8.000	8.000			-			4.000			Chưa đủ điều kiện phân bổ
1	Cầu qua suối Nậm Khăn, xã Nậm Khăn, huyện Nậm Pồ		8.000	8.000	8.000									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục
III.2	Củng hóa đường giao thông đến trung tâm xã		39.500	39.500	39.500			14.500			25.000			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		39.500	39.500	39.500			14.500			25.000			
1	Nâng cấp đường Nà Khoa - Nậm Nhừ	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 07/2/2022	39.500	39.500	39.500			14.500			25.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tăng số tất cả các nguồn vốn	Trang đã: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tăng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
IV	DỰ ÁN 5: Phát triển giá trị dự án đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		37.650	37.650	37.650			18.205			16.445			
a)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		30.650	30.650	30.650			18.205			12.445			
1	Trường PTDTBT tiểu học Nà Hỳ số 2, xã Nà Hỳ, huyện Năm Pồ	Quyết định số 2047/ QĐ-UBND ngày 12/11/2021	14.400	14.400	14.400			10.080			4.320			
1	Trường PTDTBT THCS Nà Co Sa, xã Nà Co Sa, huyện Năm Pồ	Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	16.250	16.250	16.250			8.125			8.125			
b)	Dự án khởi công mới năm 2023		7.000	7.000	7.000			-			4.000			
1	Trường PTDTBT TH Nà Khoa, huyện Năm Pồ	Số 2375/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	7.000	7.000	7.000						4.000			
B2.10	THỊ XÃ MUỜNG LAY		5.697	5.426	5.426	-	-	-	-	-	2.500			
III	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trang vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		5.697	5.426	5.426			-			2.500			
III.1	Đầu tư CSHT		5.697	5.426	5.426	-	-	-	-	-	2.500			
a)	Dự án Khởi công mới 2023		5.697	5.426	5.426	-	-	-	-	-	2.500			
1	Đường giao thông lên bản Huổi Mìn, phường Sóng Đà	QĐ số 761/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	5.697	5.426	5.426						2.500			

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)		
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước				Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		1.178.280	1.178.280	1.256.868	0	0	464.715			435,974			
A1	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH (Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững)		55.332	55.332	63.332	0	0	23.331			20.844			
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		47.586	47.586	55.586	0	0	18.041			18.758			
I.1	Trường Cao đẳng nghề Điện Biên		25.500	25.500	25.500			13.237			8.680			
I.2	Trường CD Kinh tế Kỹ thuật Điện Biên		8.014	8.014	16.014			4.804			3.460			
I.3	Trường Cao đẳng y tế Điện Biên		14.072	14.072	14.072			0			6.618			
II	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		7.746	7.746	7.746	0	0	5.290			2.086			
II.1	Sở Lao động - TBXH		7.746	7.746	7.746			5.290			2.086			
A2	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN (Dự án 1 – Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.)		1.122.948	1.122.948	1.193.536	0	0	441.384			415.130			
1	Huyện Nậm Pồ		201.310	201.310	201.310			69.244			62.000			
2	Huyện Mường Ảng		153.310	153.310	158.406			59.131			53.000			
3	Huyện Tủa Chùa		128.763	128.763	177.263			51.143			59.000			
4	Huyện Mường Chà		140.000	140.000	159.500			66.133			59.000			
5	Huyện Điện Biên Đông		185.070	185.070	159.070			63.799			57.000			
6	Huyện Tuần Giáo		181.000	181.000	169.787			67.689			60.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Huyện Mường Nhé		133.495	133.495	168.200			64.245			65.130			
A3	VỐN ĐỐI ỨNG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH QUẢN LÝ (ĐA đầu tư bằng 1 nguồn vốn)													
B	CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ		1.178.228	1.178.228	1.267.039	0	0	464.715			435.974			
B1	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH (Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững)		55.280	55.280	63.280	0	0	26.531			20.844			
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn		47.534	47.534	55.534	0	0	21.241			18.758			
I.1	Trường Cao đẳng nghề		25.500	25.500	25.500	0	0	16.437			8.680			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		25.500	25.500	25.500	0	0	16.437			8.680			
1	Nâng cấp, cải tạo các hạng mục phụ trợ: Công, nhà bảo vệ, sân, tường rào và rãnh thoát nước nội bộ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	1440/QĐ-UBND 14/8/2022	6.500	6.500	6.500			4.000			2.400			
2	Nâng cấp, cải tạo nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	1405/QĐ-UBND 13/8/2022	4.500	4.500	4.500			4.200			200			
3	Nâng cấp, cải tạo nhà ký túc xá 3 tầng Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	1442/QĐ-UBND 14/8/2022	8.500	8.500	8.500			3.237			5.080			
4	Nâng cấp cải tạo nhà hội trường, Trường Cao đẳng nghề Điện Biên.	1443/QĐ-UBND 14/8/2022	6.000	6.000	6.000			5.000			1.000			
I.2	Trường Cao đẳng kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên		8.014	8.014	16.014	0	0	4.804			3.460			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		8.014	8.014	8.014	0	0	4.804			3.160			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Sửa chữa, cải tạo nhà thực hành quản trị nhà hàng khách sạn, Nhà ký túc xá và hạng mục phụ trợ	1406/QĐ-UBND 13/8/2022	8.014	8.014	8.014			4.804			3.160			
(5)	Chuẩn bị đầu tư		0	0	8.000	0	0	0			300			
1	Khu ký túc xá cho học sinh dân tộc nội trú				8.000			0						
L3	Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên		14.020	14.020	14.020	0	0	0			6.618			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		7.000	7.000	7.000	0	0	0			6.118			
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Nhà ký túc xá 3 tầng HSSV khu A Trường Cao đẳng y tế Điện Biên	2214/QĐ-UBND 02/12/2022	7.000	7.000	7.000			0			6.118			
(5)	Chuẩn bị đầu tư		7.020	7.020	7.020	0	0	0			500			
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị Nhà lớp học 4 tầng Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên		7.020	7.020	7.020			0						
II	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững		7.746	7.746	7.746	0	0	5.290			2.086			
	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		7.746	7.746	7.746	0	0	5.290			2.086			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		7.746	7.746	7.746	0	0	5.290			2.086			
1	Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh Điện Biên	1407/QĐ-UBND 13/8/2022; 2010/QĐ-UBND 01/11/2022	7.746	7.746	7.746			5.290			2.086			TT dứt điểm

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B2	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN (Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo)		1.122.948	1.122.948	1.203.759	0	0	438.184			415.130			
I	Huyện Nậm Pồ		201.310	201.310	201.310	0	0	69.244			62.000			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		201.310	201.310	201.310	0	0	69.244			62.000			
1	Đường Trung tâm huyện - Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	1195/QĐ-UBND 11/7/2022	39.950	39.950	39.950			13.550			10.000			
2	Nâng cấp đường Nà Khoa - Na Cô Sa, huyện Nậm Pồ	1408/QĐ-UBND 13/8/2022	85.360	85.360	85.360			35.694			15.000			
3	Cầu bê tông qua suối Nậm Pồ đi xã Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	1196/QĐ-UBND 11/7/2022	26.000	26.000	26.000			10.000			10.000			
4	Trung tâm Văn hóa huyện Nậm Pồ	1409/QĐ-UBND 13/8/2022	50.000	50.000	50.000			10.000			27.000			
II	Huyện Mường Ảng		153.310	153.310	158.406	0	0	59.131			53.000			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		51.400	51.400	51.400	0	0	27.779			21.790			
1	Dự án: Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Búng Lao, huyện Mường Ảng	1422/QĐ-UBND 14/8/2022	5.000	5.000	5.000			3.000			1.720			
2	Nhà hiệu bộ trường tiểu học thị trấn Mường Ảng	2874/QĐ-UBND 11/7/2022	3.500	3.500	3.500			2.500			890			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Phòng học bộ môn trường THCS thị trấn Mường Ảng	2875/QĐ-UBND 11/7/2022	3.400	3.400	3.400			1.400			1.980			
4	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ảng Cang	2876/QĐ-UBND 11/7/2022	3.500	3.500	3.500			1.000			2.400			
5	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ TrườngTiểu học Ảng Nưa	2877/QĐ-UBND 11/7/2022	3.500	3.500	3.500			1.000			2.450			
6	Xây dựng nhà lớp và các hạng mục phụ trợ học Trường Tiểu học Mường Lạn	2878/QĐ-UBND 11/7/2022	5.000	5.000	5.000			1.500			3.400			
7	Đường liên xã Ảng Nưa - Ảng Cang	2880/QĐ-UBND 11/7/2022	7.500	7.500	7.500			5.000			2.490			
8	Nâng cấp đường từ trung tâm xã Mường Đăng đi xã Ngòi Cây	2881/QĐ-UBND 11/7/2022	14.000	14.000	14.000			8.279			4.860			
9	Sửa chữa sân và các hạng mục phụ trợ khu trung tâm hành chính huyện (tổ chức các sự kiện văn hóa, văn nghệ, TDTT của huyện)	2911/QĐ-UBND 13/7/2022	6.000	6.000	6.000			4.100			1.600			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		101.910	101.910	76.006	0	0	31.352			22.710			
1	Đường liên xã Năm Lịch - Mường Lạn (Từ bản Lịch Cang, xã Năm Lịch sang bản Huổi Ly, xã Mường Lạn)	2879/QĐ-UBND 11/7/2022	14.500	14.500	14.500			7.000			4.904			
2	Trường mầm non Hoa Hồng, thị trấn Mường Ảng	1410/QĐ-UBND 13/8/2022	34.000	34.000	34.000			7.852			12.210			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Đường liên xã Mường Đăng - Ngồi Cáy (từ bản Chan I đi Chan II, xã Mường Đăng đi Chan III, xã Ngồi Cáy)	1411/QĐ-UBND 13/8/2022	40.000	40.000	14.096			12.500			1.596			
4	Đầu tư xây dựng Nhà Đa năng; cải tạo, sửa chữa nhà lớp học, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ trường THPT Búng Lao	1424/QĐ-UBND 14/8/2022	13.410	13.410	13.410			4.000			4.000			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		0	0	31.000	0	0	0	0	0	8.500			
1	Trường tiểu học xã Ngồi Cáy	4250/QĐ-UBND 22/11/2022			12.500			0			3.000			
2	Phòng học bộ môn + nhà nội trú và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Ngồi Cáy	4251/QĐ-UBND 22/11/2022			7.500			0			2.000			
3	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường PTDTBTTH bản Bua, xã Ảng Tở	4252/QĐ-UBND 22/11/2022			6.000			0			2.000			
4	Nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Nậm Lịch	4140/QĐ-UBND 09/11/2022			5.000			0			1.500			
III	Huyện Tủa Chùa		128.763	128.763	159.273	0	0	51.143	0	0	59.000			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		98.763	98.763	98.763	0	0	49.143	0	0	44.860			
1	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Đề Dê Hu - Sính Phình	1413/QĐ-UBND 13/8/2022	20.000	20.000	20.000			13.021			5.980			
2	Tuyến đường Tả Sín Thàng - Páo Tinh Làng - Sáng Tở đi Sín Chải, Huổi Sỏ	1414/QĐ-UBND 13/8/2022	30.000	30.000	30.000			14.000			15.000			
3	Sân Vận động huyện Tủa Chùa	1415/QĐ-UBND 13/8/2022	35.000	35.000	35.000			15.000			18.000			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
4	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Tả Sin Thàng, huyện Tủa Chùa	1421/QĐ-UBND 14/8/2022	6.000	6.000	6.000			3.000			2.880			
5	Đầu tư xây dựng nhà lớp học và phòng học bộ môn, khu nội trú và các hạng mục phụ trợ trường THCS và THPT Quyết Tiến	1416/QĐ-UBND 14/8/2022	7.763	7.763	7.763			4.122			3.000			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		30.000	30.000	30.000	0	0	2.000			12.640			
1	Đường giao thông bến thủy Huổi Trảng, Huổi Sô, Mường Lay	1412/QĐ-UBND 13/8/2022	30.000	30.000	30.000			2.000			12.640			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023							0						
(5)	Chuẩn bị đầu tư				30.510	0	0	0	0	0	1.500			
1	Nâng cấp tuyến đường Pàng Dê (Xá Nhè) - Phình Sáng, Tuần Giáo				18.000									
2	Nâng cấp tuyến đường Lầu Câu Phình (xã Lao Xã Phình)-Làng Sàng (xã Tả Sin Thàng)				8.500			0						
3	Nâng cấp tuyến đường Xá Nhè - Mường Đùn				14.010			0						
4	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Tả Phìn, Tả Sin Thàng và các bản lân cận				8.000			0						
IV	Huyện Mường Chà		140.000	140.000	150.500	0	0	66.133			59.000			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		40.000	40.000	40.000	0	0	20.000	0	0	19.100			
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học và THCS Mường Tùng, xã Mường Tùng	1377/QĐ-UBND 10/8/2022	20.000	20.000	20.000			10.000			9.800			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2	Nâng cấp đường giao thông xã Huổi Lèng - xã Sá Tổng (Điểm đầu tuyến từ bản Ma Lù Thàng, xã Huổi Lèng - điểm cuối tuyến Phi 2, xã Sá Tổng)	1225/QĐ-UBND 13/7/2022	20.000	20.000	20.000			10.000			9.300			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		100.000	100.000	100.000	0	0	46.133			36.900			
1	Nâng cấp đường giao thông Thị trấn Mường Chà - xã Na Sang (Điểm đầu từ QL12 thị trấn Mường Chà điểm cuối bản Huổi Xua, xã Na Sang)	1224/QĐ-UBND 13/7/2022	25.000	25.000	25.000			15.011			7.000			
2	Đầu tư xây dựng Nhà Đa năng, lớp học, nhà nội trú và các hạng mục phụ trợ trường THPT Mường Chà	1425/QĐ-UBND 14/8/2022	10.000	10.000	10.000			2.200			5.600			
3	Nâng cấp đường giao thông xã Na Sang - xã Mường Mươn (Điểm đầu tuyến từ bản Hìn 1, xã Na Sang - điểm cuối tuyến bản Huổi Nhà, xã Mường Mươn)	1997/QĐ-UBND 14/7/2022	12.000	12.000	12.000			6.422			4.200			
4	Xây mới trường Mầm non Ma Thì Hồ, xã Ma Thì Hồ	1998/QĐ-UBND 14/7/2022	9.000	9.000	9.000			4.500			3.200			
5	Nâng cấp, sửa chữa trường PTDTBT Tiểu học và THCS Sá Tổng, xã Sá Tổng	1999/QĐ-UBND 14/7/2022	14.500	14.500	14.500			5.000			5.300			
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường PTDTBT THCS Huổi Mí, xã Huổi Mí	2000/QĐ-UBND 14/7/2022	11.000	11.000	11.000			5.000			4.200			
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Lèng xã Huổi Lèng	2001/QĐ-UBND 14/7/2022	9.500	9.500	9.500			4.000			3.900			
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nậm Nèn, xã Nậm Nèn	2002/QĐ-UBND 14/7/2022	9.000	9.000	9.000			4.000			3.500			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		0	0	10.500	0	0	0			2.700			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường PTDTBT Tiểu học Huổi Mí, xã Huổi Mí	5047/QĐ-UBND 23/11/2022			10.500			0			2.700			
(5)	Chuẩn bị đầu tư năm 2023		9.000	9.000	9.000	0	0	0			300			
1	Xây mới Trường mầm non Huổi Lèng, xã Huổi Lèng		9.000	9.000	9.000			0						
V	Huyện Điện Biên Đông		185.070	185.070	185.070	0	0	63.799	0	0	57.000			
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		137.570	137.570	137.570	0	0	63.799			53.600			
1	Đường giao thông liên xã bản Tín Tốc A - Nậm Ma - Mường Ten (xã Pú Hồng) - Huổi Mí (xã Sam Kha)	1226/QĐ-UBND 13/7/2022	31.000	31.000	31.000			11.660			15.000			
2	Nâng cấp đường giao thông liên xã bản Na Hay - Tia Ghènh - Háng Súa xã Tia Đình - xã Sam Kha	1227/QĐ-UBND 13/7/2022	31.000	31.000	31.000			14.300			12.600			
3	Đường giao thông liên xã bản Phá Khâu - Phi Súa (xã Phình Giàng, huyện Điện Biên Đông) - Phi Cao (xã Mường Nhé, huyện Điện Biên)	1228/QĐ-UBND 13/7/2022	19.000	19.000	19.000			7.000			9.000			
4	Nâng cấp đường giao thông liên xã bản Nà Nénh C (xã Pú Hồng) - Na Su - Chua Ta (xã Tia Đình)	1229/QĐ-UBND 13/7/2022	43.000	43.000	43.000			25.639			12.000			
5	Đầu tư xây dựng Nhà Đa năng và phòng học bộ môn, nhà nội trú và các hạng mục phụ trợ trường THPT Trần Can	1426/QĐ-UBND 14/8/2022	13.570	13.570	13.570			5.200			5.000			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		34.500	34.500	34.500	0	0	0			3.000			
1	Thủy lợi Na Ngừu xã Phi Nhừ (phục vụ dân bản Na Ngừu xã Phi nhừ và dân bản Pa Vạt xã Mường Luân) -126,8ha	2643/QĐ-UBND 22/11/2022	8.500	8.500	8.500			0			3.000			
(5)	Chuẩn bị đầu tư		13.000	13.000	13.000	0	0	0	0	0	400			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Xây dựng trường Mầm non Pú Hồng, xã Pú Hồng, huyện Điện Biên Đông		13.000	13.000	13.000			0						
VI	Huyện Tuần Giáo		181.000	181.000	181.000	0	0	67.689			60.000			
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		151.000	151.000	151.000	0	0	67.689			45.000			
1	Trung tâm văn hóa huyện Tuần Giáo	1427/QĐ-UBND 14/8/2022	65.000	65.000	65.000			38.689			10.000			
2	Đường liên xã Nà Sáy - Mường Khong	1428/QĐ-UBND 14/8/2022	26.000	26.000	26.000			9.000			10.000			
3	Trường PTDTBT tiểu học Khoong Hìn	1429/QĐ-UBND 14/8/2022	30.000	30.000	30.000			10.000			15.000			
4	Dự án xây mới nhà kỹ thuật cao TTYT huyện Tuần Giáo	1420/QĐ-UBND 14/8/2022	30.000	30.000	30.000			10.000			10.000			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		30.000	30.000	30.000	0	0	0			15.000			
1	Đường liên xã Rạng Đông - Nà Tông	2213/QĐ-UBND 02/12/2022	30.000	30.000	30.000			0			15.000			
(5)	Chuẩn bị đầu tư													
VII	Huyện Mường Nhé		133.495	133.495	168.200	0	0	61.045	0	0	65.130			
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		118.995	118.995	118.995	0	0	61.045			55.690			
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Chung Chải số 2	820/QĐ-UBND 11/8/2022	14.995	14.995	14.995			10.000			4.990			
2	Nâng cấp, sửa chữa trường Phổ thông DTBT Tiểu học và THCS Sen Thượng đạt chuẩn quốc gia	1417/QĐ-UBND 13/8/2022	17.400	17.400	17.400			9.800			7.070			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn NSTW năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB (nếu có)	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
3	Nâng cấp Quảng trường và vỉa hè trung tâm huyện Mường Nhé (tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao)	1419/QĐ-UBND 13/8/2022	35.000	35.000	35.000			18.045			15.700			
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Pá Mỳ	819/QĐ-UBND 11/8/2022	7.450	7.450	7.450			2.400			4.760			
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Leng Su Sin	821/QĐ-UBND 11/8/2022	14.200	14.200	14.200			4.700			9.410			
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Trần Văn Thọ	822/QĐ-UBND 11/8/2022	8.150	8.150	8.150			4.700			3.390			
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Leng Su Sin	823/QĐ-UBND 11/8/2022	8.800	8.800	8.800			6.400			2.400			
8	Nâng cấp, sửa chữa trường Phổ thông DTBT THCS Mường Toong	824/QĐ-UBND 11/8/2022	13.000	13.000	13.000			5.000			7.970			
(4)	Các dự án khởi công mới năm 2023		14.500	14.500	14.500	0	0	0	0	0	8.540			
1	Đầu tư xây dựng nhà lớp học, khu nội trú và các HMPT trường THPT Mường Nhé	2212/QĐ-UBND 02/12/2022	14.500	14.500	14.500			0			8.540			
(5)	Chuẩn bị đầu tư				34.705	0	0	0	0	0	900			
1	Trường phổ thông DTBT tiểu học Quảng Lâm, xã Quảng Lâm				19.355									
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Mường Toong số 1				8.150			0						
3	Nâng cấpTrường THCS Huổi Léch				7.200			0						

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2023 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trang đã:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trang đã:			
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG		175.242	123.265	134.115	-	-	29.790	-	-	108.080	-	-	
AA	TỔNG HỢP CHUNG		175.242	75.983	134.115	-	-	29.790	-	-	108.080	-	-	
A	Kế hoạch vốn giao theo tiêu chí xã		84.483	71.483	71.483	-	-	24.794	-	-	38.952	-	-	
I	Thành phố Điện Biên Phủ		28.417	15.417	15.417	-	-	10.694	-	-	4.723	-	-	
II	Huyện Điện Biên		31.412	31.412	31.412	-	-	10.777	-	-	17.166	-	-	
IV	Huyện Tủa Chùa		18.500	18.500	18.500	-	-	-	-	-	14.632	-	-	
V	Huyện Nậm Pồ		2.000	2.000	2.000	-	-	-	-	-	1.600	-	-	
III	Thị xã Mường Lay		4.154	4.154	4.154	-	-	3.323	-	-	831	-	-	
B	Kế hoạch vốn giao theo tiêu chí cấp huyện		86.259	-	58.132	-	-	4.996	-	-	65.528	-	-	
I	Giao tổng		24.959	17.471	17.471	-	-	-	-	-	29.863	-	-	-
II	Thủy lợi		61.300	29.811	40.661	-	-	4.996	-	-	35.665	-	-	
C	Kế hoạch vốn thực hiện các Chuyên Đề, Chương trình và Đề án (Không quá 10% vốn giai đoạn 2022-2025)		4.500	4.500	4.500	-	-	-	-	-	3.600	-	-	
AB	CHI TIẾT CÁC ĐƠN VỊ													
A	Kế hoạch vốn giai đoạn 2022-2025		175.242	123.265	134.115			29.790			108.080	-	-	
A.1	Kế hoạch vốn giao theo tiêu chí xã		84.483	71.483	71.483			24.794			38.952	-	-	
I	Thành phố Điện Biên Phủ		28.417	15.417	15.417			10.694			4.723	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		15.417	15.417	15.417			10.694			4.723	-	-	
1	Đường nối đồng bản Nà Ngám 1,2, xã Nà Nhạn	Số 1718/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	1.354	1.354	1.354			1.083			271			-
2	Đường giao thông bản Nà Láo, xã Nà Tấu	Số 1716/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	2.500	2.500	2.500			2.000			500			-
3	Đường giao thông bản Phiêng Ban, xã Nà Tấu	Số 1720/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	1.300	1.300	1.300			1.040			260			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022		Tổng số	Trong đó:			
			Tăng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
6	Đường giao thông bản Bua (từ nút giao đường TL141 đến khu Nuôi trồng thủy sản), xã Mường Phăng	Số 1723/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	2.500	2.500	2.500			2.000			500			
7	Đường nội bản Che Cẩn, xã Mường Phăng	Số 1724/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	3.300	3.300	3.300			1.000			2.300			
8	Nhà đa năng xã Mường Phăng	Số 1721/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	2.463	2.463	2.463			1.970			493			
9	Đường giao thông bản Huổi Hẹ, xã Nà Nhạn	Số 1722/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	2.000	2.000	2.000			1.600			400			
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		13.000	-	-			-			-	-	-	
1	Đường giao thông bản kéo, xã Pá Khoang		3.550											Chưa có QĐPD, phân bổ sau khi các dự án đủ thủ tục đầu tư theo quy định
2	Đường giao thông bản Hà, Xã Pá Khoang		4.500											
3	Đường giao thông bản Bó , Xã Pá khoang		4.950											
II	Huyện Điện Biên		31.412	31.412	31.412			10.777			17.166	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		14.064	14.064	14.064			10.777			3.287	-	-	
1	Đường bê tông ngõ xóm Thôn Hồng Cúm, bản Chiềng An, Thôn Đông Biên 1,2,3, bản Noong Ưng, bản Xôm, bản Sáng xã Thanh An	Số 2552/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	2.654	2.654	2.654			2.123			531			
2	Đường BT thôn Hợp Thành, Tân Lập, Trần Phú, thôn 24 xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Số 2553/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.604	1.604	1.604			1.283			321			
3	Nhà văn hóa thôn Tân Lập, Bản Phú xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên	Số 2554/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	500	500	500			400			100			
4	Nhà văn hóa bản Cang; bản Chiềng Xôm; bản Cà Phê (Yên Cang 1) xã Sam Mứn	Số 2556/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.050	1.050	1.050			840			210			
5	Nhà thi đấu đa năng xã Sam Mứn, huyện Điện Biên	Số 2557/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	2.000	2.000	2.000			1.300			700			
6	Đường vào nghĩa trang Yên Cang (từ đường trại giam vào nghĩa trang Yên Cang) xã Sam Mứn, huyện Điện Biên	Số 2558/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	500	500	500			400			100			
7	Kiên cố kênh mương chính thôn Thanh Bình-Co Róm, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	Số 2559/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.504	1.504	1.504			1.000			504			
8	Đường ngõ xóm thôn Mỹ Hưng, trục bản Na Khénh, Nâng cấp đường liên xã, bản Hồng Léch Cuông xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	Số 2560/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	838	838	838			670			168			
9	Kênh mương bản Hồng Léch Cuông đến cánh đồng bản Bó xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	Số 2561/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	980	980	980			784			196			
10	Nhà văn hóa bản Pa Pe; Thôn C4 xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên	Số 2562/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	580	580	580			464			116			
11	Kênh mương nội đồng nối tiếp các bản xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	Số 2563/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	1.854	1.854	1.854			1.513			341			

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022						
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
A.2.	Kế hoạch vốn giao theo tiêu chí cấp huyện		86.259	47.282	58.132			4.996			65.528	-	-	
I	Giao thông		24.959	17.471	17.471			-			29.863	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023													
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		24.959	17.471	17.471	-	-	-	-	-	29.863	-	-	
	Dự án đủ điều kiện phân bổ		8.959	6.271	6.271	-	-	-	-	-	18.663	-	-	
1	Đường liên bản Na Khoang - Pha Thanh xã Mường Nhé, huyện Điện Biên	Số 3721/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	8.959	6.271	6.271						6.271			
2	Nâng cấp đường liên xã từ QL12 vào xã Thanh Chấn - Thanh Yên huyện Điện Biên	Số 2209/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	17.703	12.392	12.392						12.392			
	Dự án chưa đủ điều kiện phân bổ		16.000	11.200	11.200	-	-	-	-	-	11.200			Chưa đủ điều kiện phân bổ
1	Nâng cấp đường liên xã từ QL279 Thanh An - Noong Hết - Sam Mứn huyện Điện Biên		16.000	11.200	11.200									
II	Thủy lợi		61.300	29.811	40.661			4.996			35.665	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		39.800	14.761	14.761			4.996			9.765	-	-	
1	Kè bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và công trình công cộng suối Nậm Cọ, huyện Điện Biên	Số 862/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	39.800	14.761	14.761			4.996			9.765			
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		21.500	15.050	25.900	-	-	-	-	-	25.900	-	-	
	Dự án đủ điều kiện phân bổ		21.500	15.050	25.900	-	-	-	-	-	25.900			
1	Kiên cố kênh tưới, tiêu từ bản Na Khưa xã Thanh Chấn đến suối Hồng Sóng xã Thanh Yên	Số 3723/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	13.500	9.450	9.450						9.450			
2	Kiên cố kênh tưới tiêu từ bản Chiềng An xã Thanh An đến thôn Hồng Cúm xã Thanh An	Số 3724/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	8.000	5.600	5.600						5.600			
1	Kiên cố kênh tưới tiêu từ thôn Văn Tân xã Noong Hết đến bản Na Vai, xã Pom Lôt, huyện Điện Biên	Số 2210/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	15.500	10.850	10.850						10.850			
A.3.	Kế hoạch vốn thực hiện các Chuyên Đề, Chương trình và Đề án (Không quá 10% vốn giai đoạn 2022-2025)		4.500	4.500	4.500			-			3.600	-	-	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023													
b	Các dự án khởi công mới năm 2023		4.500	4.500	4.500	-	-	-	-	-	3.600	-	-	
	Dự án đủ điều kiện phân bổ		3.000	3.000	3.000	-	-	-	-	-	2.400	-	-	
1	Điểm trưng bày giới thiệu, bán sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, nông sản, đặc sản vùng miền	Số 2215/QĐ-UBND ngày 2/12/2022	3.000	3.000	3.000						2.400			

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Dự kiến kế hoạch vốn NSTW 2023			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Trong đó: đã giao KH các năm 2021, 2022						
			Tổng số tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW		Thu hồi các khoản vay ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:					
									Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				
	Dự án chưa đủ điều kiện phân bổ		1.500	1.500	1.500	-	-	-	-	-	1.200			Chưa đủ điều kiện phân bổ
3	Điểm quảng bá, giới thiệu sản phẩm hoa quả sạch và các sản phẩm OCOP		1.500	1.500	1.500									Chưa có QĐPD phân bổ chi tiết sau khi hoàn thiện các thủ tục